

Bản án số: 208/2024/DS-PT  
Ngày: 21-8-2024.  
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Tố Hương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 7, ngày 20 và ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLPT-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng góp hội.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường N, khóm G, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C: Bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy ủy quyền ngày 18-7-2024 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Lê Thị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 19-01-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Tôi là chủ hội, ông Nguyễn Văn C là hội viên có tham gia các dây hội do tôi chủ, cụ thể như sau:

+ Dây thứ 1: hội mùa 5.000.000 đồng, khai ngày 25/7/2017 âm lịch (khai theo vụ lúa, 6 tháng 01 lần), dây hội này có 12 chân (phần), ông C tham gia 01 chân, ông C đã hót hội vào ngày 25/6/2020 âm lịch, số tiền hót hội được là 40.500.000 đồng, tôi đã giao đủ tiền hội cho ông C, tuy nhiên sau khi ông C hót hội xong thì ông C chỉ đóng hội chết đến lần thứ 10, hiện nay dây hội này đã mãn, nên ông C còn nợ lại tôi 02 lần hội chết với số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ 2: hội mùa 5.000.000 đồng, khai vào ngày 19/6/2018 âm lịch (khai theo vụ lúa), dây hội này có 13 chân, ông C tham gia 01 chân, dây hội này ông C đã hót vào ngày 19/6/2019 âm lịch được số tiền là 33.500.000 đồng, tôi đã giao đủ tiền hội cho ông C, dây hội này chưa mãn. Tuy nhiên, sau khi ông C hót hội xong thì ông C chỉ đóng hội chết đến lần thứ 11, hiện nay dây hội này khai đến lần thứ 12 nên ông C còn nợ lại 01 lần hội chết là 5.000.000 đồng x 01 phần x 01 lần = 5.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C trả cho tôi số tiền hai dây hội nêu trên là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của ông C buộc tôi trả cho ông C số tiền hội 27.000.000 đồng của dây hội khai ngày 25/3/2020 âm lịch thì tôi không đồng ý, vì trước đó ông C và ông Nguyễn Hoàng T1 cùng nhau tham gia dây hội 5.000.000 đồng, khai vào ngày 09/7/2020 âm lịch, tôi đã giao tiền hội cho ông C và ông T1 hót ngày 09/8/2020 âm lịch, số tiền hội chết còn lại 08 lần, số tiền hội chết phải đóng là 40.000.000 đồng nhưng ông C và ông T1 không đóng hội chết cho tôi nên ông C có kê tôi trừ số tiền dây hội khai ngày 25/3/2020 âm lịch hót được 27.000.000 đồng nên còn nợ lại tôi số tiền 13.000.000 đồng thì tôi đòi ông T1 và được mẹ vợ của ông T1 trả xong, dây hội ông C yêu cầu phản tố 27.000.000 đồng đã trừ qua dây hội khai ngày 09/7/2020 âm lịch rồi nên tôi không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông C.

- Theo đơn phản tố ngày 06-3-2024 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Tôi thừa nhận tôi có tham gia một số dây hội do bà Lê Thị T làm chủ hội. Dây hội 5.000.000 đồng khai ngày 25/7/2017 âm lịch đúng là hội đã mãn, tôi còn nợ lại bà T hai lần hội chết với số tiền 10.000.000 đồng. Tôi thừa nhận tôi tham gia một chân hội do bà T làm chủ hội, hội mùa khai ngày 19/6/2018 âm lịch, có 13 chân, tôi đã hót hội và còn nợ lại bà T 01 lần hội chết theo như bà T khởi kiện và hai lần hội chết khai ngày 19/02/2024 âm lịch và ngày 19/6/2024 âm lịch chưa có nêu trong đơn kiện. Tổng hai dây hội là tôi nợ bà T số tiền theo đơn kiện là 15.000.000 đồng và hai lần hội chết chưa nêu trong đơn kiện của dây hội khai ngày 19/6/2018 âm lịch.

Và tôi còn tham gia một dây hội do bà T làm chủ hội khai ngày 25/3/2020 âm lịch, hội một tháng khai một lần, dây hội 2.000.000 đồng, tôi là người hót hội cuối cùng được số tiền 27.000.000 đồng, nhưng bà T không có giao tiền hội cho

tôi. Bà T cũng thừa nhận còn nợ tôi số tiền hụi này nhưng bà T tự ý trừ số tiền hụi này vào dây hụi ông T1 tham gia do bà T làm chủ hụi. Tôi không có cùng ông T1 tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 09/7/2020 âm lịch, dây hụi này tôi chỉ dẫn ông T1 giới thiệu cho bà T để chơi hụi của bà T chứ tôi không có cùng ông T1 tham gia hụi như bà T trình bày. Tôi không đồng ý lấy số tiền 27.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 25/3/2020 âm lịch để trừ vào dây hụi do ông T1 tham gia mà bà T cho rằng còn thiếu tiền hụi chết, ông T1 tham gia hụi nếu bà T muốn đòi tiền hụi chết thì đòi ông T1, tôi không đồng ý cản trừ, tôi cũng không có hốt hụi, chơi hụi như bà T trình bày, bà T cũng đã tự viết là ông T1 là người hốt hụi, giao tiền hụi cho ông T1 chứ không phải tôi.

Nay tôi có đơn phản tố yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho tôi số tiền dây hụi khai ngày 25/3/2020 âm lịch là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Tôi đồng ý trừ trả cho bà T số tiền hụi theo đơn kiện là 15.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ luôn cho bà T số tiền hai lần hụi chết khai ngày 19/02/2024 âm lịch và ngày 19/6/2024 âm lịch không có nêu trong đơn kiện của dây hụi khai ngày 19/6/2018 âm lịch mà tôi còn phải đóng là 10.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi. Buộc ông Nguyễn Văn C trả cho bà Lê Thị T số tiền hụi 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn C về việc buộc bà Lê Thị T trả số tiền hụi. Buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền hụi là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T được miễn án phí.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm chục nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002549 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, ông C còn phải nộp thêm số tiền án phí là 450.000 đồng (bốn trăm năm chục nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 nguyên đơn bà Lê Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn với lý do: ngày 09-7-2020 âm lịch thì ông C và ông Nguyễn Hoàng T1 có tham gia dây hụi tháng 5.000.000 đồng, dây hụi này có 12 người tham gia, đã hốt ngày 09-8-2020 âm được số tiền là 37.500.000 đồng, còn 10 lần hụi chết, ông T1 đóng được 02 lần với số tiền là 10.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng trừ tiền hụi của ông C hốt 27.000.000 đồng, còn thiếu lại 13.000.000 đồng và sau đó mẹ vợ của ông T1 đã trừ hụi xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn phản tố. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo của nguyên đơn được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn bà Lê Thị T với bị đơn ông Nguyễn Văn C thống nhất ông C còn nợ bà T tiền hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi mùa 5.000.000 đồng mở vào ngày 25-7-2017 âm lịch, dây hụi này ông C tham gia 01 chân hụi (phần hụi), đã hốt xong, hụi đã mãn hụi và ông C còn nợ 02 lần hụi chết chưa đóng tương ứng số tiền là 10.000.000 đồng.

- Dây hụi mùa 5.000.000 đồng, mở vào ngày 19-6-2018 âm lịch, dây hụi này có 13 chân, ông C tham gia 01 chân, dây hụi này ông C hốt hụi vào ngày 19/6/2019 âm lịch, hốt hụi được số tiền là 33.500.000 đồng, sau khi hốt hụi xong thì ông C có đóng hụi chết đến lần thứ 11, tính đến ngày khởi kiện ông C không đóng hụi chết nên còn nợ bà T số tiền là 5.000.000 đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận nợ tiền hụi của bị đơn như đã nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 15.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

#### [2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Phía ông C có đơn phản tố cho rằng ông còn tham gia một dây hụi 2.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khai một lần, khai ngày 25/3/2020 âm lịch, ông là người hốt hụi cuối cùng được số tiền 27.000.000 đồng, nhưng bà T không có giao tiền hụi cho ông. Nay ông yêu cầu buộc bà Lê Thị T trả cho ông số tiền của dây hụi khai ngày 25/3/2020 âm lịch với số tiền là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận bà làm chủ hụi của dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở vào ngày 25/3/2020 âm lịch, ông C tham gia 01 chân và đã hốt sau cùng, sau khi khấu trừ hoa hồng cho chủ hụi thì số tiền còn lại là 27.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà không giao tiền của chân hụi này cho ông C với lý do là ông C và ông Nguyễn Hoàng T1 tham gia một dây hụi tháng 5.000.000 đồng mở vào ngày 09-7-2020 âm lịch, dây hụi này có 12 người tham gia, sau khi hốt còn 10 lần hụi chết, sau đó ông T1 đóng được 02 lần với số tiền là 10.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng trừ tiền hụi của ông C hốt 27.000.000 đồng, nên còn nợ lại 13.000.000 đồng, sau đó mẹ vợ của ông T1 đã trả trừ hụi xong.

Xét thấy, dây hụi tháng 5.000.000 đồng mở vào ngày 09-7-2020 âm lịch theo bà T trình bày và bà T cung cấp danh sách những người tham gia dây hụi, dây hụi có ghi tên 12 người tham gia, tại số thứ tự thứ 7 ghi tên “Nguyễn Hoàng T1, C hốt ngày 09-8-2020 được số tiền là 37.500.000 đồng”, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà T trình bày do ông C và ông Nguyễn Hoàng T1 tham gia một dây hụi tháng 5.000.000 đồng như đã nêu trên, sau khi hốt còn 10 lần hụi chết, sau đó ông T1 đóng được 02 lần với số tiền là 10.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng trừ tiền hụi của ông C hốt 27.000.000 đồng, nên còn nợ lại 13.000.000 đồng, sau đó mẹ vợ của ông T1 tên là bà G đã trả trừ hụi xong. Nhưng thấy rằng việc bà T khấu trừ tiền hụi 27.000.000 đồng của ông C trong danh sách những người tham gia này không có

chữ ký xác nhận của ông C và phía ông C không đồng ý việc khấu trừ này, do vậy bản án sơ thẩm nhận định “*Dây hụi khui ngày 09-7-2020 âm lịch chưa được bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử chưa đặt ra xem xét đối với dây hụi này, bà T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác*” là đúng quy định của pháp luật.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông C là buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền hụi của dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở vào ngày 25/3/2020 âm lịch với số tiền 27.000.000 đồng là có cơ sở, nên đơn kháng cáo của bà Lê Thị T không được chấp nhận, do vậy cần phải áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Đề nghị của vị Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Lê Thị T là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí nên bà Lê Thị T được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T.
- Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 45/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi. Buộc ông Nguyễn Văn C trả cho bà Lê Thị T số tiền hụi là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn C về việc buộc bà Lê Thị T trả số tiền hụi là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T được miễn án phí.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm chục nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002549 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, ông C còn phải nộp thêm số tiền án phí là 450.000 đồng (bốn trăm năm chục nghìn đồng).

5. Về án phí phúc thẩm: Do bà Lê Thị T là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí nên bà Lê Thị T được miễn tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Tố Hương**